TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **238**/2025/QĐST-HNGĐ	*Bắc Từ Liêm, ngày 10 tháng 06 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 200/2013, Quyển số 01 – 2013 ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện L (nay là phường X, quận B), thành phố Hà Nội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/05/2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

1. Anh Trần Anh T, sinh năm 1987;
2. Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1987;

Cùng nơi thường trú và nơi cư trú: Số 50 ngõ 117 đường Xuân Đỉnh, TDP số 1, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Chị Vũ Thị Thu H và anh Trần Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Từ Liêm (nay là phường X, quận B), thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên không thể hoà giải. Từ khoảng đầu năm 2024 đến nay, anh chị đã ly thân. Đến nay, anh T, chị H cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể hòa giải đoàn tụ nên thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần được ghi nhận.

[2]. Về con chung: Chị Vũ Thị Thu H và anh Trần Anh T có 02 (Hai) con chung là Trần Vũ Mai A, sinh ngày 25/05/2015 và Trần Vũ Nam A, sinh ngày 11/09/2020. Sau khi ly hôn, anh chị thỏa thuận anh Trần Anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Vũ Nam Avà chị Vũ Thị Thu H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Vũ Mai A. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi

khác. Sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản, nhà đất chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh T, chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nhân thân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Thu H và anh Trần Anh T.

- *Về con chung*: Chị Vũ Thị Thu H và anh Trần Anh T có có 02 (Hai) con chung là Trần Vũ Mai A, sinh ngày 25/05/2015 và Trần Vũ Nam A, sinh ngày 11/09/2020.

Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên: Giao con chung Trần Vũ Mai A cho chị Vũ Thị Thu H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Trần Vũ Nam A cho anh Trần Anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về quyền đi lại, chăm sóc con chung: Không ai được cản trở quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Trần Anh T và chị Vũ Thị Thu H.

- *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Trần Anh T, chị Vũ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp theo biên lai số: 0075857 ngày 30/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thế V